

Số: 2573 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023; Công văn số 5032/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023;

UBND tỉnh Tây Ninh đánh giá ước thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023, cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2022

Tình hình dịch bệnh COVID-19 về cơ bản đã được kiểm chế, tỷ lệ lây nhiễm giảm ở mức thấp nhất; hoạt động kinh tế cơ bản phục hồi; UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục tập trung triển khai nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2022; triển khai Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Tuy nhiên, tình hình phát triển KT-XH của tỉnh vẫn đối mặt với nhiều khó khăn; giá cả hàng hóa, xăng dầu, vận tải tăng cao; tình hình thời tiết diễn biến phức tạp; dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh khác tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, khó lường ... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2022

1. Ước thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH chủ yếu

Thực hiện 19 chỉ tiêu về phát triển KT-XH theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao, có 17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 02 chỉ tiêu đạt tiệm cận với kế hoạch, cụ thể:

- Chỉ tiêu kinh tế: có 9/9 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.
- Chỉ tiêu văn hóa - xã hội: 5/7 chỉ tiêu đạt kế hoạch; 2/7 chỉ tiêu tiệm cận kế hoạch¹.

¹ Chỉ tiêu số bác sĩ/vạn dân: Ước thực hiện năm 2022 đạt 8 bác sĩ/vạn dân (Kế hoạch đề ra chỉ tiêu này là 8,1 bác sĩ/vạn dân); Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo giảm: Ước thực hiện 0,15% - 0,2% (Kế hoạch đề ra chỉ tiêu này là 0,5% - 0,7%.

- Chỉ tiêu môi trường: 3/3 chỉ tiêu đạt kế hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục 01)

2. Kết quả thực hiện

2.1. Về kinh tế:

Ngay từ đầu năm 2022, UBND tỉnh Tây Ninh đã quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là vừa bảo đảm các mặt công tác phòng, chống dịch COVID-19, vừa tập trung chỉ đạo các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế có mức phục hồi và tăng trưởng ấn tượng sau đại dịch. Trong đó:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP – theo giá so sánh 2010) có mức tăng trưởng vượt bậc, ước thực hiện trong năm 2022 đạt 55.914 tỷ đồng, **tăng 8,8% so với CK (KH 2022: tăng 6,5% trở lên)**.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và bền vững, Giá trị sản xuất các ngành nông lâm, ngư nghiệp - công nghiệp - thương mại, dịch vụ điều tăng khá cao, tỷ trọng công nghiệp - thương mại, dịch vụ chiếm xấp xỉ 75% trong GRDP²; GRDP bình quân đầu người ước đạt 3.704 USD (KH 2022: 3.500 USD).

- Sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định, hầu hết các sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường, được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt kế hoạch đề ra, tăng 03 triệu đồng so với năm 2021 (KH 2022: 105 triệu đồng).

- Ngành công nghiệp địa phương phục hồi mạnh sau đại dịch COVID-19, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 **ước tăng 16%** so với CK (KH 2022: **tăng 12% trở lên**).

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ năm 2022 có mức tăng trưởng vượt bậc, ước đạt 96.872 tỷ đồng, **tăng 25,4% so với CK (KH 2022: tăng 8% trở lên)**; trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 76.442 tỷ đồng, **tăng 22,8%** so CK. Ngành du lịch phục hồi nhanh và tăng trưởng cao ngoạn mục cả về lượng khách và doanh thu (tổng doanh thu du lịch năm 2022 ước đạt 1.400 tỷ đồng tăng 7,7% so KH, **tăng 130% so CK**; khách tham quan khu, điểm du lịch ước đạt 4,5 triệu lượt khách, **tăng 45,2% so KH, tăng 200% so CK**), dự kiến là địa phương thuộc top đầu cả nước về tốc độ phục hồi và tăng trưởng du lịch cao.

- Kim ngạch xuất khẩu duy trì ở mức khá cao, ước đạt 6.060 triệu USD, **tăng 18% so với CK (KH 2022: tăng 8% trở lên)**. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 5.463 triệu USD, tăng 19% so với CK.

- Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng ước đạt 66.900 tỷ đồng, **tăng 20% so với đầu năm (năm 2021 tăng 11,4%)**. Tổng dư nợ cho vay đạt 89.400 tỷ

² tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ (chưa tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm) trong GRDP theo giá hiện hành ước đạt 20,6% - 44,6% - 30,0% (KH 2022: 20 - 21%; 44 - 45%; 29 - 30%)

đồng, tăng 15% so với đầu năm (*năm 2021 tăng 11,2%*); tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,5% tổng dư nợ cho vay (*tỷ lệ nợ xấu năm 2021: 0,68%*).

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 38.493 tỷ đồng, **tăng 17,3% so với CK**, đạt 37,7% GRDP (*KH 2022: 36% GRDP*).

- Ước tổng thu NSNN trên địa bàn 9.998,6 tỷ đồng, đạt 107,7% dự toán, giảm 4,2% CK; trong đó thu nội địa 8.795 tỷ đồng, đạt 108,2% so dự toán, giảm 1% so với CK. Tổng chi ngân sách địa phương là 13.828,8 tỷ đồng, đạt 141% dự toán, giảm 22,5% so với CK.

- Xây dựng cơ bản (XD CB) chuyển biến tích cực, đầu tư công được quan tâm. Giải ngân vốn XD CB ước đạt 4.260,27 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao³.

- Công tác thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp được đẩy mạnh. Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước ước đạt 14.500 tỷ đồng và 237,5 triệu USD, Trong đó cấp mới 53 dự án⁴; điều chỉnh tăng vốn cho 35 dự án⁵; điều chỉnh giảm vốn cho 04 dự án nước ngoài⁶. Đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 511 doanh nghiệp⁷. Có 13 doanh nghiệp giải thể với số vốn 100,8 tỷ đồng. Lũy kế có 7.102 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 168.269 tỷ đồng. Đến cuối năm 2022, dự kiến có 650 doanh nghiệp thành lập mới, tổng vốn đăng ký là 9.000 tỷ đồng.

- Năm 2022 tăng thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 02 huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 61 xã (chiếm 85,9%), 16 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; trong đó 100% xã biên giới đạt chuẩn NTM. Số tiêu chí bình quân/xã là 18,3 tiêu chí. Tổ chức đánh giá, công nhận, công bố sản phẩm OCOP, dự kiến khoảng 10-15 sản phẩm. Lũy kế đến cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 37 – 42 sản phẩm OCOP.

2.2. Về văn hóa – xã hội

- Các mặt văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, thích ứng linh hoạt với điều kiện dịch bệnh. Công tác giáo dục được chỉ đạo thực hiện tốt, bảo đảm an toàn, đúng quy chế⁸. An sinh xã hội được bảo đảm, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, không để xảy ra tình trạng hộ thiếu đói trong và sau đại dịch

³ Dự kiến đạt 99,78% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao

⁴ 45 dự án đầu tư trong nước và 08 dự án đầu tư nước ngoài, với vốn đăng ký 11.500 tỷ đồng và 220 triệu USD

⁵ 20 dự án trong nước và 15 dự án nước ngoài, với vốn tăng 3.000 tỷ đồng và 45 triệu USD

⁶ với vốn giảm 27,5 triệu USD

⁷ với tổng vốn đăng ký là 4.352,5 tỷ đồng, so với CK tăng 8% về số doanh nghiệp và bằng 75% về vốn đăng ký

⁸ Kết quả năm học 2021-2022, tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình giáo dục tiếp tục duy trì ở mức cao với 99,98% ở cấp bậc tiểu học và 100% ở cấp trung học cơ sở). Tổ chức tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022-2023; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

- Các hoạt động hỗ trợ người lao động tìm việc làm, học nghề, cung ứng lao động và quản lý lao động người nước ngoài làm việc tại tỉnh được duy trì thực hiện. Tình hình quan hệ lao động tương đối ổn định, hài hòa⁹.

- Công tác phòng chống dịch COVID-19 được chỉ đạo quyết liệt, thực hiện có hiệu quả chiến dịch tiêm chủng vắc xin. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho người dân. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 91,5% so với dân số toàn tỉnh (KH 2022: 91,5%).

- Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021¹⁰; tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh¹¹. Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm khoảng 0,15-0,2%. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số¹².

- Tổ chức các ngày lễ kỷ niệm của đất nước gắn với nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh lần thứ IX năm 2022. Tham dự các giải thi đấu thể thao cụm, miền quốc gia và đã gặt hái được nhiều thành công.

2.3. Về quản lý tài nguyên – môi trường

- Tiếp tục thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác đo đạc, ... theo đúng quy định. Chấn chỉnh, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Công tác cấp giấy chứng nhận cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất; công tác cho thuê đất, thẩm định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất... được thực hiện theo đúng quy định, không để xảy ra tình trạng phân lô, phức tạp.

- Thực hiện thẩm định hồ sơ nghiệm thu đo đạc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất sau phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia. Ban hành quyết định thu hồi và giao đất cho UBND các huyện nơi có đất để triển khai thực hiện Phương án sử dụng quỹ đất từ các công ty nông – lâm trường trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, nhất là công tác quản lý khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng đã được quan tâm chỉ đạo, chấn chỉnh thường xuyên.

- Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội tại khu vực có quy hoạch khoáng sản theo quy định. Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁹ người lao động sau khi nghỉ Tết quay trở lại làm việc chiếm tỷ lệ khoảng 90%. Ước giải quyết việc làm tăng thêm cho 16.000 lao động, tổ chức cho 100 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 15.000 lao động.

¹⁰ Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 còn 1.612 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,5% (giảm 0,29% so năm 2020);

¹¹ Toàn tỉnh có 5.841 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,83%.

¹² Xây tặng và bàn giao 111 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo; hỗ trợ cho 293 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi với kinh phí 11,658 tỷ đồng.

2.4. Về xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

- Cải cách hành chính có sự chuyển biến tích cực, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) có sự tiến bộ đáng kể so với năm 2020 xếp thứ 31/63 tỉnh thành phố (tăng 20 bậc so với năm 2020).

- Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn. Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh; Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công kỳ thi tuyển công chức năm 2021 với 101 thí sinh trúng tuyển.

- Ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ nay đến năm 2025. Tổ chức Hội thi tìm hiểu về các Chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh Tây Ninh trong cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; có 18.585 người tham gia thi bằng tài khoản dịch vụ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tổng số TTHC của toàn tỉnh hiện nay gồm có 1.848 TTHC, trong đó: Cấp tỉnh là 1.403 TTHC, cấp huyện là 277 TTHC, cấp xã là 168 TTHC (bao gồm TTHC ngành dọc)¹³. Công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức trong công tác giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc và ngày càng chặt chẽ hơn với nhiều kênh giao tiếp giữa chính quyền và Nhân dân như Cổng Hành chính công tỉnh Tây Ninh trên ứng dụng Zalo, Cổng Dịch vụ công quốc gia, kênh "Hỏi đáp trực tuyến", phản ánh, kiến nghị qua số điện thoại đường dây nóng, Tổng đài 1022, đặc biệt là qua Trung tâm Giám sát Điều hành kinh tế xã hội tập trung của tỉnh...

2.5. Về quốc phòng an ninh

Thực hiện tốt công tác quốc phòng địa phương¹⁴. Công tác phối hợp giữa 03 lực lượng (Công an, Quân sự, Biên phòng) được thực hiện chặt chẽ, theo dõi nắm chắc tình hình, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến biên giới.

2.6. Về công tác đối ngoại

¹³ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 01/01/2022 đến 31/7/2022, số hồ sơ tiếp nhận phải giải quyết là 351.603 hồ sơ, trong đó có 339.771 hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn (chiếm tỷ lệ 95,82%); 6.655 hồ sơ chưa giải quyết – còn hạn (chiếm tỷ lệ 1,88%); 8.177 hồ sơ chưa giải quyết – quá hạn và đã giải quyết – quá hạn (chiếm tỷ lệ 2,31%).

¹⁴ Tổ chức tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia về nước đợt 2 giai đoạn XXI (mùa khô 2021-2022) đã quy tập được 253 bộ hài cốt liệt sỹ (Campuchia: 237 bộ; trong nước: 16 bộ). Bàn giao 10 căn nhà/02 điểm dân cư liên kế chốt dân quân, lũy kế đã xây dựng 11/21 điểm dân cư, 65 căn nhà liên kế chốt dân quân.

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại giữa tỉnh Tây Ninh với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác¹⁵.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Công tác phòng, chống dịch được chỉ đạo quyết liệt, dịch bệnh được kiểm soát hiệu quả. Kinh tế tiếp tục khởi sắc và đạt được những kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Tỉnh đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát huy hiệu quả các chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH. Tăng trưởng GRDP ước đạt 8,8%, vượt kế hoạch đề ra. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu phục hồi và phát triển mạnh; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 16%; sản xuất nông nghiệp ổn định; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng 25,4%; xuất khẩu tăng 18%; du lịch tăng trưởng bất phá, cả về doanh thu du lịch và lượng khách tham quan. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường được chú trọng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, một số lĩnh vực vẫn còn tồn tại những khó khăn, hạn chế. Trong đó:

- Còn 02 chỉ tiêu cơ bản về KT-XH chưa đạt kế hoạch (*chỉ tiêu văn hoá - xã hội*).

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các thành phần kinh tế còn khó khăn.

- Tái cơ cấu trong lĩnh vực nông nghiệp còn chậm, kết quả chưa nhiều.

- Cải cách hành chính chưa toàn diện, đồng bộ.

- Tình trạng thiếu nguồn nhân lực, thiếu thuốc, vật tư y tế tại các cơ sở y tế công cộng chậm được khắc phục.

- Công tác tuyển dụng đội ngũ giáo viên còn nhiều khó khăn, số giáo viên còn thiếu nhiều tập trung ở vùng sâu, biên giới, nhất là ở cấp học mầm non.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

¹⁵ tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Campuchia (24/6/1967 – 24/6/2022) và “Năm hữu nghị Việt Nam – Campuchia 2022”. Ban hành Đề án tăng cường hoạt động đối ngoại địa phương đảm bảo quốc phòng, an ninh; mở rộng hợp tác đầu tư, giao lưu văn hóa, quảng bá hình ảnh địa phương, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025; Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

- Đại dịch kéo dài, tác động lớn đến sự phục hồi kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

- Tình hình xung đột Nga - Ukraine tác động lớn đến hoạt động kinh tế toàn cầu, do đó việc mở rộng thị trường xuất khẩu gặp khó khăn, nhất là thị trường Nga, Đông Âu.

- Lạm phát gia tăng, nhất là giá xăng dầu, vật tư đầu vào của sản xuất tăng, ảnh hưởng đến sản xuất, xây dựng cơ bản và đời sống nhân dân.

- Đầu tư nước ngoài đang trong giai đoạn tái cơ cấu đầu tư nên thu hút đầu tư giảm.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tỉnh đang trong giai đoạn tạo lập cơ sở pháp lý (xây dựng quy hoạch của tỉnh) nên công tác xúc tiến và thu hút đầu tư chưa được đầy mạnh.

- Điểm nghẽn trong lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng, quy hoạch đã được nhận diện nhưng chưa được tháo gỡ kịp thời.

- Cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

- Một bộ phận cán bộ lãnh đạo quản lý chưa thể hiện quyết tâm, trách nhiệm cao vì sự phát triển chung, còn tâm lý sợ rủi ro, sợ trách nhiệm, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu, cải cách hành chính và môi trường đầu tư.

4. Bài học kinh nghiệm

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả; phải bám sát thực tiễn của địa phương; kiên trì thực hiện những mục tiêu đã đề ra. Tập trung đánh giá nguyên nhân kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành để kịp thời xây dựng các giải pháp khắc phục. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền phù hợp để tạo đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh; quán triệt, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch và tiêm vắc xin trong tình hình mới.

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; chủ động, linh hoạt, thông nhất trong tổ chức thực hiện; tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Đẩy mạnh đối ngoại, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển KT-XH; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2023

Tình hình kinh tế tỉnh phục hồi tích cực; thực hiện tốt quy định về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KT-XII tạo niềm tin cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tỉnh ta tiếp tục phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức; quy mô kinh tế, năng lực cạnh tranh của tỉnh so với các tỉnh, thành trong khu vực còn thấp; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cải cách hành chính chưa theo kịp sự phát triển; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh biên giới còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Không chế dịch COVID-19; kiềm chế lạm phát, duy trì đà tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân chung của cả nước; thúc đẩy các đột phá chiến lược; đẩy mạnh đầu tư công; tăng thu ngân sách; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện chỉ số cải cách hành chính, môi trường đầu tư; bảo đảm an sinh xã hội, tang cường kỷ luật, kỷ cương công vụ; bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội; chủ động tăng cường công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị và hợp tác.

II. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GRDP - theo giá so sánh 2010*) tăng 9%.
- GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 4.100 USD.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt đạt 107 triệu đồng/ha.

- Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (*giá hiện hành*): Nông - lâm - thủy sản: 19-20%; Công nghiệp - Xây dựng: 45-46%; Dịch vụ (*chưa tính thuế sản phẩm*): 30-31%

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 9.971 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bằng 37% GRDP.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 16% trở lên.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng 8% trở lên.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 5-7%.

2. Chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm từ 0,1-0,15%.
- Tỷ lệ thất nghiệp: Khu vực thành thị: 1,4%; Khu vực nông thôn: 1,8%.
- Số lao động có việc làm tăng thêm 16.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề đạt 73%.
- Đạt 8,5 bác sĩ/vạn dân và 28 giường bệnh/vạn dân.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*) còn dưới 20%.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 92%, trong đó có thêm 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM¹⁶, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Chỉ tiêu về môi trường

- Duy trì tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng 2% so với năm 2022.

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng (*đã loại trừ cây cao su*) đạt 16,3%.

- Duy trì tỷ lệ 100% chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành, thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép: phòng chống, không chế, từng bước đẩy lùi đại dịch và đẩy mạnh khôi phục, phát triển kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới. Tăng cường tuyên truyền vận động đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin mũi tăng cường cho người dân.

2. Tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021 – 2026 về thể chế và phát triển nguồn nhân lực; về nông nghiệp; về du lịch; về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông.

3. Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Triệt để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các thành phần kinh tế phục hồi và phát triển. Triển khai nhanh, đồng bộ và quyết liệt hơn nữa các chính sách hỗ trợ phục hồi, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tập trung rà soát, tháo gỡ các rào cản, vướng mắc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát huy hiệu quả các chính sách của Chương trình.

5. Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; chống thất thu, nợ đọng thuế. Huy động nguồn lực đầu tư có hiệu quả các dự án theo Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn của các chủ đầu tư liên quan đến quy trình thẩm định giá đất, phương án bồi thường ...; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là các dự án trọng điểm.

6. Tập trung triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025. Phấn đấu cuối năm 2023, huyện Bến Cầu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; có thêm 04 xã đạt chuẩn NTM, 09 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có thêm từ 15 – 20 sản phẩm được công

¹⁶ Huyện Bến Cầu

nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó có ít nhất 02 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng 4 sao. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 0,35% (mức giảm 0,1-0,15 điểm %).

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai phương án quản lý rừng bền vững; nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 16,3%. Theo dõi chặt chẽ, thông tin kịp thời về diễn biến thời tiết phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện lộ trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, nhất là khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, chưa tương thích giữa các cơ sở dữ liệu, phần mềm kết nối gây khó khăn cho công tác giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, khắc phục về cơ bản và xử lý tình trạng “cò” chạy các thủ tục hành chính; tiếp tục cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), xây dựng môi trường đầu tư thân thiện, minh bạch, chuyên nghiệp, có tính cạnh tranh cao. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ, khắc phục biểu hiện làm việc cầm chừng, sợ rủi ro, sợ trách nhiệm; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi thiếu trách nhiệm, tiêu cực, nhũng nhiễu trong thi hành công vụ; quan tâm củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, trách nhiệm cao, khát vọng lớn, vì sự phát triển của địa phương. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cách thức và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý kịp thời các kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

9. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện tốt chính sách pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,25%.

10. Tăng cường củng cố, bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới, đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm cờ bạc, cho vay nặng lãi, ma túy, kiên quyết triệt xóa, không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức theo kiểu “xã hội đen”, ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng thanh niên tụ tập càn quấy, tiếp tục kéo giảm mạnh tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí. Chủ động và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Trên đây là báo cáo đánh giá ước thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 của tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận: *lg*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTƯU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; CTK tỉnh;
- LH VP; PTH;
- Lưu: VT VP.UBND tỉnh.

ttu0001h

4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



W.D.T
Võ Đức Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC 01
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 2573 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH 2022	Ước TH 2022	Số KH		Ghi chú
					Đạt	Chưa đạt	
I	Chỉ tiêu kinh tế				9	0	
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng so với năm trước	%	6,5% trở lên	8,8	X		
2	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	USD	3.500	3.704	X		
3	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt	Triệu đồng	105	105	X		
4	Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (giá hiện hành)				X		
	- Nông - lâm - thủy sản	%	20-21	20,6			
	- Công nghiệp - xây dựng	%	44-45	44,6			
	- Dịch vụ (chưa tính Thuế sản phẩm)	%	29-30	30			
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (*)	Tỷ đồng	9.282	9.998,6	X		
6	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn so với GRDP	%	36	37,7	X		
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng	%	12	16	X		
8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng so với cùng kỳ	%	8% trở lên	25,4	X		
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	8% trở lên	18	X		
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội				5	2	
10	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0,5-0,7	0,15-0,2		X	
11	Tỷ lệ thất nghiệp				X		
	- Khu vực thành thị	%	1,32	1,32			
	- Khu vực nông thôn	%	1,89	1,89			
12	Số lao động có việc làm tăng thêm	Người	16.000	16.000	X		
13	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề	%	72	72	X		
14	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân					X	
	- Số bác sĩ	bác sĩ	8,1	8			
	- Số giường bệnh viện	giường	27	27			
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	dưới 20%	19,4	X		
16	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó:	%	85,9	85,9	X		
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	8	8			
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	2	2			
III	Chỉ tiêu môi trường				3	0	
17	Duy trì tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100	100	X		
	- Trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng so với năm trước	%	2	2			
18	Duy trì tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)	%	16,3	16,3	X		
19	Duy trì tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100		X		

Ghi chú:

(*) Dự toán do Bộ Tài chính giao.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC 02
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023
(Biểu mẫu theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
(Kèm theo Kế hoạch số 2573 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Dự kiến năm 2023			Đơn vị báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2022 (%)	So với ước thực hiện 2022 (%)	
1	Tốc độ tăng GRDP	%	0,26	6,5	8,84		9,0			
2	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng	90.218	97.300	101.980	113,0	115.400	118,6	113,2	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	3.304	3.500	3.704	112,1	4.100			
4	Cơ cấu kinh tế									
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	22,1	20-21	20,6		19-20			
-	Công nghiệp, xây dựng	%	43,9	44-45	44,6		45-46			
-	Dịch vụ	%	29,0	29-30	30,0		30-31			
-	Thuế, trợ cấp sản phẩm	%	4,9	4-5	4,7		4-5			
5	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	32.826	35.400	38.493	117,3	42.698	120,6	110,9	
6	Thu ngân sách địa phương									
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	10.442	9.282,0	9.998,6	95,8	9.971,0	107,4	99,7	
+	Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng	8.880	8.132,0	8.795,0	99,0	8.711,0	107,1	99,0	
	Trong đó:									
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	553	500,0	780,0	141,1	500,0	100,0	64,1	
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	1.362	1.550,0	1.650,0	121,2	1.650,0	106,5	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Dự kiến năm 2023			Đơn vị báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2022 (%)	So với ước thực hiện 2022 (%)	
-	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	18.910	9.753,2	13.782,2	72,9	11.224,5	115,1	81,4	
	<i>Trong đó:</i>									
+	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	8.381	7.632,0	8.407,4	100,3	8.323,4	109,1	99,0	
+	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng								
7	Chi ngân sách địa phương		17.842	9.809,0	13.828,8	77,5	11.287,5	115,1	81,6	
-	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	13.584	8.780,4	10.751,3	79,1	9.739,0	110,9	90,6	
	<i>Trong đó:</i>									
+	Chi đầu tư	Tỷ đồng	4.509	2.642,4	4.180,7	92,7	3.048,0	115,3	72,9	
+	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	6.491	5.962,5	6.379,6	98,3	6.192,5	103,9	97,1	
8	Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng		55,8	46,6		63,0	112,8	135,2	
9	Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)		37							
10	Thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)		31							
11	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	5.935		6.174					Đến 30/6/2022
12	Về đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo									
-	Số dự án	Dự án	344		351	102,0	366		104,3	
-	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	430,0		430,0	100,0	450,0		104,7	
-	Vốn đăng ký	Triệu USD	8.435,7		8.671,7	102,8	8.951,7		103,2	
13	Dân số	Nghìn người	1.181,907		1.188,758	100,6	1.195,849		100,6	
14	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Nghìn người	655,635		688,150	105,0	700,920		101,9	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Dự kiến năm 2023			Đơn vị báo cáo
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2022 (%)	So với ước thực hiện 2022 (%)	
15	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	54,1		57,9		58,6			
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,6	72	72		73			
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	55	61	61	110,9	65	106,6	106,6	
18	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	77,5	85,9	85,9	110,8	92,0	107,1	107,1	
19	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	%	2,0	4,0	4,0	200,0	5,0	125,0	125,0	
20	Hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều			0,65	0,45		0,4			
-	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%					0,1-0,15			
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	0,29	0,5-0,7	0,15-0,2					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**PHỤ LỤC 03
MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(Kèm theo Kế hoạch số 2573 /KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Tổng vốn dự kiến phân bổ (tỷ đồng)
1	Chính sách đầu tư phát triển hạ tầng y tế	
	Tỉnh Tây Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo danh mục và mức vốn cho 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022. Hiện nay, các dự án đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ để trình Trung ương giao kế hoạch vốn thực hiện năm 2022. Cụ thể:	130
(1)	Dự án xây dựng trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tây Ninh	62
(2)	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu Tây Ninh	18
(3)	Dự án Đầu tư trang thiết bị cho 06 trung tâm Y tế huyện và 42 trạm Y tế huyện, xã, tỉnh Tây Ninh	50
2	Chính sách miễn, giảm thuế	Dự kiến số thu NSNN giảm (tỷ đồng)
	Tổng cộng	540,615
-	Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 (ảnh hưởng thu NSNN năm 2022)	15,000
-	Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch covid-19	39,935
-	Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	4,000
-	Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH22	185,680
-	Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	250,000
-	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	46,000
3	Chính sách tín dụng (tính đến 30/6/2022)	
-	Dư nợ gốc được cơ cấu lại nợ và miễn, giảm lãi là 84,4 tỷ đồng với 653 khách hàng. Lũy kế đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và miễn, giảm lãi vay cho 2.978 khách hàng với tổng dư nợ gốc là 3.145 tỷ đồng (trong đó có 43 doanh nghiệp với tổng dư nợ gốc là 2.660 tỷ đồng).	

TT	Nội dung		
-	<p>Dư nợ cho vay mới với lãi suất thấp hơn lãi suất thông thường là 11.129 tỷ đồng với 13.981 khách hàng (trong đó có 309 doanh nghiệp với dư nợ 7.494 tỷ đồng). Lũy kế đã cho vay mới với lãi suất thấp hơn lãi suất thông thường là 57.5713 tỷ đồng (trong đó doanh nghiệp là 40.493 tỷ đồng).</p>		
-	<p>Ngân hàng Chính sách xã hội đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 202.364 khách hàng với dư nợ là 777 tỷ đồng; lũy kế đến nay là 1.524 tỷ đồng với 425.133 khách hàng; thực hiện cho vay người sử dụng lao động trả lương ngừng việc theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ là 77,1 tỷ đồng của 04 doanh nghiệp với 10.523 lao động.</p>		
4	Chính sách cho vay ưu đãi (tính đến 31/7/2022)	KH 2022 (Tỷ đồng)	Đã giải ngân (Tỷ đồng)
	Tổng cộng	172,80	118,82
-	<p>Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ cho 2.245 lao động</p>	100,00	100,00
-	<p>Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 và khoản 10, Điều 1, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ cho 38 khách hàng</p>	64,00	12,60
-	<p>Cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập cho 312 học sinh, sinh viên</p>	4,00	3,12
-	<p>Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 1 tháng theo yêu cầu phòng, chống dịch: đã giải ngân 3,1/4,8 tỷ đồng cho 37 cơ sở</p>	4,80	3,10
5	Chính sách hỗ trợ khác		
-	<p>Cơ bản hoàn thành việc thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>		
-	<p>Các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19: Tính đến ngày 26/5/2022, tỉnh đã phê duyệt danh sách hỗ trợ cho 554.510 người, với số tiền 1.013,3 tỷ đồng.</p>		